

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1040 /QĐ-ĐHNN ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc (chương trình chất lượng cao)
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng anh):	Korean Language Studies
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7220210
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	141 tín chỉ (bao gồm 4 tín chỉ giáo dục thể chất, 4 tín chỉ giáo dục quốc phòng)
9.	Thang điểm:	Thang 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	Người học được nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp nếu có đủ các điều kiện sau: - Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập; - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn bộ khóa học đạt từ 2.00 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định của nhà Trường; - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin theo quy định của nhà Trường; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất

11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
12.	Vị trí việc làm:	- Dịch thuật, công tác hành chính – văn phòng, quan hệ công chúng, giao dịch với khách hàng trong các công ty, cơ quan ngoại giao, cơ quan văn hóa giáo dục, kinh tế có sử dụng tiếng Hàn. - Hướng dẫn viên du lịch cho khách du lịch đến từ Hàn Quốc (sau khi bổ sung thêm chứng chỉ hành nghề theo quy định của Nhà nước). - Lễ tân tại các khách sạn, nhà hàng có khách người Hàn Quốc. - Nghiệp vụ bán hàng, dịch vụ khách hàng, marketing, hành chính – tổng vụ cho các công ty, doanh nghiệp Hàn Quốc hoặc doanh nghiệp có đối tác Hàn Quốc. - Điều phối và quản lý các dự án hợp tác Việt – Hàn tại các cơ quan ngoại giao, tổ chức phi chính phủ, cơ quan văn hóa, giáo dục, kinh tế, trung tâm, công ty dịch thuật. - Cán bộ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, trung tâm đào tạo tiếng Hàn (sau khi bổ sung thêm những chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định của Nhà nước). - Tự tạo việc làm cho mình và người khác.
13.	Khả năng nâng cao trình độ:	Người học có thể học các bậc sau Đại học tại Hàn Quốc hoặc Việt Nam ở các ngành như: ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, ngành ngôn ngữ Hàn Quốc, ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, ngành Hàn Quốc học, ngành Quản trị kinh doanh, Truyền thông báo chí, ngành Ngữ văn tiếng Hàn, ngành Thông biên dịch tiếng Hàn, v.v.
14.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	(1) CTĐT ngành tiếng Hàn, ĐH Hà Nội, Việt Nam. (2) CTĐT ngành ngôn ngữ Hàn Quốc, ĐH Bắc Kinh, Trung Quốc

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mạng – Triết lý giáo dục của Trường Đại học Ngoại ngữ; tương thích với Tầm nhìn – Sứ mạng của Khoa NN&VH Hàn Quốc nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng phục vụ cộng đồng, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, góp phần vào sự phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

CTĐT cử nhân ngành ngôn ngữ Hàn Quốc nhằm đào tạo cử nhân ngôn ngữ Hàn Quốc có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng; có kiến thức nền tảng về

đất nước Việt Nam và Hàn Quốc; có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Hàn Quốc, có kiến thức về cơ sở lý thuyết của biên phiên dịch, kỹ thuật dịch; có khả năng làm nghiên cứu khoa học về các vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành khoa học xã hội, khoa học nhân văn; Sinh viên còn có phẩm chất đạo đức, tính chuyên nghiệp, khả năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tư duy phản biện. có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc độc lập, có các kỹ năng và đủ năng lực nghiên cứu, có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc, có kỹ năng tin học, ngoại ngữ 2 giao tiếp tốt và chuyên môn thành thạo.

2. Mục tiêu cụ thể

CTĐT ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc (CLC) trình độ đại học trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐN được thiết kế với các mục tiêu sau:

a. Về kiến thức

- PO1: Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Hàn Quốc.
- PO2: Có kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội, lịch sử, văn học, chính trị, pháp luật, kinh tế Việt Nam & Hàn Quốc.
- PO3: Có kiến thức nền tảng về dịch thuật và phương pháp dịch thuật.
- PO 4: Có kiến thức công nghệ thông tin và tài liệu ngoại ngữ 2 nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả học tập, phục vụ nghiên cứu khoa học, và phát triển chuyên môn

b. Về kỹ năng

- PO5: Vận dụng thành thạo ngôn ngữ Hàn Quốc trên hai phương diện giao tiếp Nói và giao tiếp Viết.
- PO6: Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, văn học, chính trị, pháp luật, kinh tế Việt Nam & Hàn Quốc để khai thác thông tin trong học tập, nghiên cứu và khởi nghiệp.
- PO7: Thực hiện được các dự án dịch thuật liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử, ngôn ngữ, văn học, ngoại giao, du lịch, hành chính, sản xuất, khoa học kỹ thuật.

c. Về năng lực tự chủ, phẩm chất đạo đức và tự nghiên cứu suốt đời.

- PO8: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực thực hành nghiệp vụ nghiên cứu, giảng dạy, khởi nghiệp, năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Hàn Quốc của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

2.1 Về kiến thức

- **PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn.**
 - PI1.1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lê nin vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.



- PI1.2: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội
- PI1.3: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Lịch sử Đảng CS Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội
- PI1.4: Vận dụng kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam vào thực tiễn.
- **PLO2: Vận dụng các kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.**
 - PI2.1: Vận dụng các kiến thức an ninh quốc phòng vào thực tiễn cuộc sống
 - PI2.2: Vận dụng các kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.
- **PLO3: Xác định rõ hệ thống ngôn ngữ và kết cấu ngôn ngữ Hàn Quốc.**
 - PI3.1: Hiểu rõ kiến thức nền tảng về tiếng Hàn (ngữ âm, hình thái, ngữ pháp, cú pháp, ngữ nghĩa...) để sử dụng thông thạo trong quá trình giao tiếp
 - PI3.2: Phân biệt và lý giải các hiện tượng ngôn ngữ trong tiếng Hàn.
 - PI3.3: Đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ trong tiếng Hàn và tiếng Việt
- **PLO4: Áp dụng kiến thức cơ bản về đất nước Việt Nam & Hàn Quốc.**
 - PI4.1: Hiểu kiến thức văn hóa – xã hội Việt Nam & Hàn Quốc truyền thống và đương đại.
 - PI4.2: Có kiến thức cơ bản nền văn học Hàn Quốc.
 - PI4.3: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, pháp luật Việt Nam & Hàn Quốc
 - PI4.4: Phân biệt các hiện tượng tương đồng và khác biệt trong văn hóa, văn học, xã hội, chính trị, pháp luật, kinh tế Việt Nam và Hàn Quốc.
- **PLO5: Ứng dụng được công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định.**
 - PI5.1: Sử dụng các phương tiện và công nghệ thông tin trong học tập
 - PI5.2: Sử dụng được phương tiện và công nghệ thông tin trong nghiên cứu khoa học và phát triển chuyên môn.
 - PI5.3: Sử dụng được phương tiện và công nghệ thông tin trong phát triển chuyên môn.
- **PLO6: Khả năng giao tiếp ngoại ngữ 2 bậc 3 (theo qui định của Bộ giáo dục và Đào tạo) được đào tạo chính qui tại các cơ sở đào tạo hợp pháp trong hệ thống giáo dục quốc dân.**
 - PI6.1: Sử dụng được các tài liệu bằng ngoại ngữ 2 nhằm hỗ trợ, nâng cao hiệu quả học tập.
 - PI6.2: Vận dụng được ngoại ngữ 2 trong giao tiếp bằng văn bản nói và viết.

2.2 Về kỹ năng

- **PLO7: Sử dụng tiếng Hàn (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ bậc 5 theo khung năng lực 6 bậc ngoại ngữ quốc gia hoặc các chuẩn tương đương khác.**

- PI7.1: Có năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ Hàn Quốc biểu đạt rõ ràng, mạch lạc suy nghĩ của bản thân ở cả hai phương diện văn bản nói và văn bản viết
- PI7.2: Sử dụng tiếng Hàn để khai thác thông tin trong học tập, nghiên cứu và hội nhập thị trường lao động quốc tế.

▪ **PLO8: Vận dụng các kiến thức ngôn ngữ học, đất nước học Việt Nam & Hàn Quốc vào thực tiễn.**

- PI8.1: Vận dụng kiến thức văn hóa, văn học, khoa học, xã hội, chính trị, kinh tế, lịch sử Việt Nam & Hàn Quốc vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống.
- PI8.2: Thực hiện dự án nghiên cứu so sánh, đối chiếu bên trong và bên ngoài ngôn ngữ; đề tài NC các vấn đề văn hóa, văn học, khoa học, xã hội, chính trị, kinh tế, lịch sử Việt Nam & Hàn Quốc.

▪ **PLO9: Thực hiện kỹ năng nghề nghiệp đối với chuyên ngành ngôn ngữ Hàn Quốc**

- PI9.1: Vận dụng được các kỹ năng biên dịch Hàn-Việt, Việt-Hàn để dịch các thể loại văn bản liên quan đến Kinh tế, thương mại, mậu dịch.
- PI9.2: Vận dụng được các kỹ năng thông dịch Hàn-Việt, Việt-Hàn để dịch các thể loại văn bản Du lịch, khách sạn, tổ chức sự kiện.
- PI9.3: Vận dụng được các kỹ năng thông dịch Hàn-Việt, Việt-Hàn để dịch các thể loại văn bản hành chính văn phòng, văn kiện liên quan đến chính trị, luật pháp.
- PI9.4: Vận dụng được các kỹ năng biên dịch Hàn – Việt, Việt – Hàn để dịch các thể loại văn bản Giáo dục, hợp tác đào tạo.
- PI9.5: Thực hiện dự án nghiên cứu dịch thuật, sản phẩm dịch thuật.

2.3 Về năng lực tự chủ, phẩm chất đạo đức, ý thức tự nghiên cứu suốt đời

▪ **PLO10: Nhận thức, tạo dựng lối sống có trách nhiệm, tuân thủ pháp luật, vì cộng đồng.**

- PI 10.1: Nhận thức và hành động theo lẽ phải, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.
- PI10.2: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội. Tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng.
- PI10.3: Tạo dựng được lối sống tự lực phù hợp với đạo đức và pháp luật, thích ứng với môi trường sống đa dạng và thay đổi.
- PI10.4: Tôn trọng sự khác biệt, sự đa dạng văn hóa cá nhân.

▪ **PLO11: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.**

- PI11.1: Có ý thức nỗ lực lựa chọn những tri thức cần thiết và tìm kiếm các phương pháp tự học, tự nghiên cứu phục vụ cho cuộc sống hiện tại và tương lai của bản thân.



- ### III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

[illegible]

[illegible]

Mục tiêu của CTĐT (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
giao lưu giữa các tổ chức Hàn Quốc và Việt Nam.													

IV. Đối sánh CĐR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ đại học (Bậc 6):

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

CĐR theo Khung trình độ QG Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1	X	X				X	X	X	X	X		X	X	X	X
PLO2	X					X									
PLO3	X					X		X	X		X	X		X	X
PLO4	X	X		X		X		X	X		X	X		X	X
PLO5			X	X								X			
PLO6	X							X	X			X			
PLO7	X	X				X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO8	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO10						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO11						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO12						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
Bậc 6 (Đại học)		
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

hội, khoa học chính trị và pháp luật. KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
---	---	--

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Văn Long

